

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN THỤY
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN THỤY, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đôi

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Ú, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Ú, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Văn K trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K vào ngày 28/02/2004. Trong thời gian chung sống gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Gia đình hai bên biết việc vợ chồng mâu thuẫn tình cảm, đã vận động hoà giải nhưng vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/11/2004 và Nguyễn Xuân N, sinh ngày 28/6/2009. Cháu M đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết. Ly hôn, chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có công việc là thợ may, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Chị có chỗ ở đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai. Tuy nhiên, theo các lời khai, chứng cứ Tòa án thu thập được tại gia đình và chính quyền địa phương thể hiện: Chị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2004. Trong thời gian chung sống mấy năm trở lại đây, chị H và K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều khác biệt với nhau về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về công việc trong gia đình, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hiện nay, chị H và K đang sống ly thân, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị H và K có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/11/2004 và Nguyễn Xuân N, sinh ngày 28/6/2009.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh K; giao cháu Nguyễn Xuân N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Văn K có nơi cư trú tại thôn U, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01-2004 ngày 28/02/2004. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Trong thời gian chung sống, do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau nên giữa chị H và anh K thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Anh K không đến Tòa án làm việc, bỏ mặc việc chị H xin ly hôn. Xét thấy, chị H và anh K đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/11/2004 và Nguyễn Xuân N, sinh ngày 28/6/2009. Cháu M đã thành niên, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của anh K về việc nuôi dưỡng con chung. Chị H có nguyện vọng xin được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị H có công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Cháu N là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên cần áp dụng các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn K.
2. Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/11/2004 và Nguyễn Xuân N, sinh ngày 28/6/2009. Cháu M đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số **0008042** ngày 24/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy;
- Chi cục THADS huyện Kiến Thụy;
- UBND xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Đôi Khúc Thị Minh

Vũ Văn Hoàng